

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA KINH THÁNH TIN LÀNH¹

Tóm tắt: Từ lâu, Kinh Thánh đã là một tuyển tập tác phẩm quan trọng trên các khía cạnh văn hóa, lịch sử, hiện sinh, và đặc biệt là tôn giáo. Dưới góc độ tôn giáo, Kinh Thánh (Cựu Ước và Tân Ước) có vai trò quan trọng trong lịch sử hình thành và sinh hoạt của Kitô giáo, bao gồm các nhánh Chính Thống giáo, Công giáo, và Tin Lành. Hiểu biết về Kinh Thánh là yếu tố cần thiết cho việc tìm hiểu và nhận định niềm tin, thực hành niềm tin, và cộng đồng các tôn giáo này. Bằng phương pháp mô tả đơn thuần, bài viết tập trung phân tích một số nội dung gắn với thần học Tin Lành trong Kinh Thánh là Chúa Trời, con người, tội lỗi, cứu rỗi, và Hội Thánh.

Từ khóa: Kinh Thánh, Tin Lành, Chúa Trời, con người, tội lỗi, cứu rỗi, Hội Thánh.

Dẫn nhập

Kinh Thánh ảnh hưởng đến hầu hết các khía cạnh của đời sống xã hội Phương Tây nói riêng và đời sống nhân loại nói chung, từ luật pháp, văn học, kiến trúc đến nghệ thuật, âm nhạc, hệ thống đạo đức, và lễ đương nhiên là tôn giáo. Sự quan trọng đến mức “không có công dân nào ở thế giới Phương Tây có thể khẳng định mình có trình độ nếu không am hiểu đôi chút về nội dung và lịch sử Kinh Thánh”². Phần lớn các từ ngữ trong Kinh Thánh được sử dụng trong đời sống hàng ngày, các câu chuyện trong Kinh Thánh đều hàm chứa ý nghĩa hiện sinh nào đó. Kinh Thánh là một bộ phận di sản có khả năng tồn tại và phát triển trong toàn bộ di sản văn hóa của nhân loại. Cho đến nay, Kinh Thánh luôn là tác phẩm được dịch và đọc nhiều nhất.

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 13/9/2017; Ngày biên tập: 19/9/2017; Ngày duyệt đăng: 27/9/2017.

Đạo Tin Lành là tôn giáo ra đời trong cuộc cải cách tôn giáo ở Châu Âu thế kỷ 16. Tư tưởng thần học của tôn giáo này nhất quán xuyên suốt dựa trên ba tín điều cơ bản, đó là duy Kinh Thánh, duy Thiên Chúa và duy ân điển³. Theo đó, đạo Tin Lành đặt trung tâm vào sự xác tín rằng đời sống và niềm tin phải phù hợp nghiêm khắc với những gì được viết trong Kinh Thánh chứ không phải với bất cứ quyền uy nào của thế giới thế tục. Việc xem Kinh Thánh có quyền uy tối thượng, con người không cần đến các giáo sĩ để hiệp thông với Thiên Chúa thông qua phép bí tích. Con người có thể hình thành các cộng đồng mà các thành viên có niềm tin đều bình đẳng trước Thiên Chúa bởi ai cũng có thể đọc Kinh Thánh.

Trên cơ sở nhận thấy Kinh Thánh là một tác phẩm quan trọng có ảnh hưởng lớn đến văn hóa Phương Tây, đặc biệt tìm hiểu Kinh Thánh có ý nghĩa quan trọng trong việc thấu hiểu niềm tin của người Tin Lành, bằng phương pháp mô tả đơn thuần bài viết tập trung phân tích một số nội dung gắn với thần học Tin Lành trong Kinh Thánh, là “Chúa Trời”, “con người”, “tội lỗi”, “cứu rỗi”, và “Hội Thánh”.

1. Về Chúa Trời⁴

Chúa Trời không những là trung tâm của Kinh Thánh mà giáo lý về Chúa Trời còn là tâm điểm cho các phần còn lại của thần học. Quan niệm về Chúa Trời thậm chí có thể xem là toàn bộ nền tảng cho hệ thống thần học, lối sống, và cách thức phục vụ Chúa của người tín đồ.

Về thuộc tính của Chúa Trời

Trước tiên và trên hết, Chúa Trời là thần linh, không được cấu tạo bởi vật chất và cũng không có bản thể vật chất. Điều này được Chúa Giê-su xác nhận “Đức Chúa Trời là thần, nên ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lẽ thật mà thờ lạy” (Giăng 4: 24), và cũng được ngụ ý trong nhiều câu Kinh Thánh khác nói đến sự vô hình (Giăng 1:18; 1 Ti-mô-thê 1: 17, 6: 15-16).

Một trong những kết quả thuộc tính thần linh là Chúa Trời không bị giới hạn bởi thân xác và vị trí địa lý cũng như không gian. Điều này thể hiện rất rõ trong tuyên bố của Chúa Giê-su “khi các ngươi lạy Cha, chẳng tại trên hòn núi này, cũng chẳng tại thành Giê-su-sa-lem”. Chúa Trời tạo ra thế giới và mọi vật ở trong đó, nên không khu trú trong

những nơi do con người tạo ra (Công Vụ Sứ Đồ 17: 24). Như vậy, Chúa Trời không thể bị mất đi như những vật thể vật chất khác.

Sự sống là đặc trưng quan trọng của Chúa Trời. Điều này được Kinh Thánh khẳng định bằng nhiều cách khác nhau. Quan điểm này hàm chứa trong lời khẳng định Chúa Trời hiện hữu. Chính danh xưng “Ta là Đấng tự hằng hữu” (Xuất Hành 3: 14) cho thấy Chúa Trời tồn tại vượt thời gian. Kinh Thánh không chứng minh sự tồn tại này mà khẳng định hay mặc nhiên công nhận điều đó. Do đó, sự tồn tại được xem là khía cạnh căn bản nhất của bản tính Chúa Trời.

Chúa Trời không có giới hạn và không thể bị giới hạn. Về phương diện này, Chúa Trời không giống với bất cứ điều gì mà con người kinh nghiệm. Trước hết, sự vô hạn được thể hiện qua không gian. Mọi vật hữu hạn đều chiếm một vị trí trong không gian, tồn tại ở một nơi nào đó, điều này làm cho nó không thể tồn tại ở nơi khác được. Mức độ lớn nhỏ của một vật hữu hạn được đánh giá bằng khoảng không gian mà nó chiếm hữu. Tuy nhiên, vấn đề ở đâu, vị trí nào không thể áp dụng được bởi Chúa Trời tạo ra không gian và thời gian. Theo đó, Chúa Trời có trước không gian, không ở một điểm cụ thể, không xác định được vị trí bằng tọa độ. Đặc tính này dường như là hệ quả của tính phi vật chất hay tính thần linh.

Sự vô hạn của Chúa Trời còn thể hiện qua chiều kích thời gian. Chúng ta không thể truy nguyên về tuổi của Chúa Trời được bởi không già đi so với một năm trước đây, vô cực cộng thêm một vẫn là vô cực. Sách Thánh Thi nói rằng Chúa Trời là nơi cư trú của con người trải qua mọi thế hệ. Trước khi núi non thành hình, trước khi tạo thành trái đất và thế gian, từ vô cực quá khứ cho đến vô cực tương lai, Chúa Trời vẫn là Chúa Trời (Thánh Thi 90: 1-2). Giu-đe 25 nói “Đức Chúa Trời độc nhất vô nhị...uy nghi, quyền lực và quyền phép, từ trước vô cùng, hiện nay, cho đến đời đời”. Ý tưởng tương tự cũng được tìm thấy trong sách Ê-phê-sô. Việc sử dụng cách nói “đầu tiên và cuối cùng” hay “An-pha và Ô-mê-ga” cũng cùng diễn đạt Chúa Trời vô hạn với thời gian (I-sai-a 44: 6; Khải Huyền 1: 8, 21: 6, 22: 13).

Trong Kinh Thánh, Chúa Trời còn được mô tả là bất biến, không thay đổi. Sự bất biến bao hàm nhiều phương diện. Trước hết không có sự thay đổi về số lượng. Chúa Trời không thêm bất cứ điều gì bởi mọi

vật đã hoàn thiện rồi, cũng như không giảm đi điều gì, nếu không thì Chúa Trời không còn là mình nữa. Mặt khác, không có sự thay đổi về bản chất. Ý định cũng như kế hoạch là bất biến, trước sau như một dù có xảy ra điều gì. Chính vì vậy, Chúa Trời luôn trung thành với giao ước đã kí với Áp-ra-ham, chọn Áp-ra-ham và ban cho ông lời hứa của mình, và không có ý định rút lại lời hứa của mình.

Như vậy, qua Kinh Thánh nhân vật trung tâm Chúa Trời hiện lên là thần linh, vượt qua sự giới hạn của không gian và thời gian, không thay đổi trong ý định, kế hoạch cũng như hành động.

Về bản chất của Chúa Trời

Phần trước trình bày những thuộc tính của Chúa Trời. Phần này sẽ xem xét đặc trưng về mặt bản chất đạo đức của Chúa Trời bao gồm các khía cạnh cơ bản là sự thuần khiết, chân thật và yêu thương.

Thuần khiết đạo đức là nói tới Chúa Trời hoàn toàn không có gì gian ác hay xấu xa. Sự thuần khiết đạo đức lại bao gồm các phương diện thánh khiết, chính trực, và công bằng.

Sự thánh khiết của Chúa Trời có hai khía cạnh cơ bản. Khía cạnh đầu tiên là tính đặc thù duy nhất. Trong công trình Thần học hệ thống (Systematic Theology), Louis Berkhof gọi là “sự uy nghi-thánh khiết” của Đức Chúa Trời⁵. Tính đặc thù này được xác định trong sách Xuất Hành “Trong vòng các thần, ai giống như Ngài? Ai có thể sánh được với Ngài, đáng uy nghi thánh khiết, đáng uy vinh hiển đáng kính, đáng làm việc diệu kỳ?” (Xuất Hành 15: 11). Những câu như vậy diễn tả sự cao quý tôn nghiêm của Chúa Trời còn được tìm thấy trong các sách 1 Sa-mu-ên và I-sai-a.

Khía cạnh khác của sự thánh khiết là lòng nhân từ tuyệt đối. Điều đó có nghĩa là những điều gian ác trên thế gian không chạm đến hay làm hoen ố Chúa Trời được. Chúa không dự phần vào điều xấu theo bất cứ nghĩa nào. Sách Ha-ba-cúc nói rằng “Mắt Ngài quá tinh khiết, không thể nào nhìn thấy cảnh gian ác mà không làm gì cả” (Ha-ba-cúc 1: 13). Sách Gia-cơ cũng nói Chúa Trời không bị sự ác nào cám dỗ được (Gia-cơ 1: 13). Có thể nói, sự thánh khiết của Chúa Trời được nhấn mạnh trong suốt Kinh Thánh, đặc biệt trong Cựu Ước. Sự hoàn hảo đó chính là những tiêu chuẩn cho tính cách đạo đức và là động lực

cho đời sống đạo của mỗi tín đồ Tin Lành. Toàn bộ những qui tắc đạo đức đều bắt nguồn từ sự thánh khiết này.

Phương diện thứ hai của sự thuần khiết đạo đức là sự chính trực. Sự chính trực hàm ý nói rằng luật pháp thể hiện bản tính của Chúa Trời nên cũng hoàn hảo. Trong sách Thánh Thi toát lên ý đó như sau: “Luật pháp của Chúa thật trọn vẹn, làm linh hồn hồi sức; Qui tắc của Chúa thật vững chắc khiến kẻ dại khôn ra; Luật lệ của Chúa thật phải lẽ, làm tâm hồn vui vẻ; Điều răn của Chúa thật minh bạch, khiến mắt lòng nhìn rõ; Động cơ kính sợ Chúa thật trong sạch nên còn lại đời đời; Phán quyết của Chúa thật chính đáng, cả thấy đều công bình” (Thánh Thi 19: 7). Nói cách khác, Chúa Trời chỉ yêu cầu những điều đúng đắn, và do đó sẽ dẫn đến kết quả tích cực nếu tín đồ tuân theo.

Về phương diện công bằng, Chúa Trời không chỉ hành động phù hợp với luật pháp của mình mà còn cai quản thế giới theo luật pháp đó nữa. Nếu chính trực là sự công nghĩa cá nhân hay riêng tư của Chúa Trời thì công bằng là sự công nghĩa chung đòi hỏi những sinh vật có đạo đức khác cũng phải tuân thủ theo tiêu chuẩn này. Nói cách khác, Chúa Trời giống như một quan tòa mà về phương diện cá nhân thì tuân giữ luật pháp của xã hội, còn về phương diện chức danh địa vị thì thực hành luật lệ, áp dụng cho người khác. Như vậy, sự công bằng là việc thực thi luật pháp công khai, không thiên vị. Tiêu chuẩn để xét thưởng phạt là hành động chứ không phải địa vị. Chính vì vậy, Chúa Trời đã lên án quan tòa trong thời Kinh Thánh trong khi đang nhận lấy trọng trách đại diện cho mình mà lại nhận hối lộ đổi trắng thay đen (1 Sa-mu-ên 8: 3; A-mốt 5: 12).

Về khía cạnh đạo đức tính chân thật của Chúa Trời lại bao gồm ba phương diện: chân chính – đúng như nó; thành thật – nói lên sự thật; thành tín – tỏ ra mình là trung thực.

Tính chân chính muốn nói có một Chúa Trời thực sự, không phải được tạo dựng, sáng chế hay mô phỏng như những kẻ tự xưng là thần. Trong một thế giới có nhiều sự giả tạo như hiện nay thì đây thực sự là điều rất quan trọng đối với niềm tin của người tín đồ. Chúa Trời tỏ ra như thế nào thì đúng là như vậy, đó là điều cốt lõi trong tính chân chính. Trong sách Giăng, Chúa Giê-su đã gọi Chúa Cha là Chúa Trời duy nhất có thật (Giăng 17: 3). Những câu tương tự cũng được tìm

thấy trong các sách 1 Tê-sa-lô-ni-a (1: 19); Giăng (5: 20); và Khải Huyền (3: 7, 6: 10).

Sự thành thật có nghĩa là Chúa Trời trình bày mọi sự đúng như bản chất của nó. Dù nói về mình hay nói về những thứ được tạo ra thì đều chính xác, chân thật. Nếu như tính chân chính là đúng như lời đã nói và tính thành thật luôn là nói sự thật, thì sự thành tín có nghĩa là trung thực. Chúa Trời luôn giữ mọi lời hứa bởi khả năng vô hạn nên sẽ không bất lực trước bất cứ một cam kết nào hay phải xem xét lại lời nói cũng như rút lại lời hứa. Sách Dân số nói rằng “Đức Chúa Trời không phải loài người mà nói dối” (Dân số 23: 19). Phao-lô cũng nói Chúa Trời thành tín và sẽ thực hiện điều đó (Tê-sa-lô-ni-ca 5: 24). Những câu mô tả về việc giữ lời hứa còn được tìm thấy trong các sách 1 Cô-rinh-tô (1: 9); 2 Cô-rinh-tô (1: 18-22); 2 Ti-mô-thê (2: 13); và 1 Phi-e-rơ (4: 19).

Nhiều người xem yêu thương là đặc tính cơ bản của, là bản chất thực sự, và là định nghĩa về Chúa Trời⁶. Khi bàn đến bản chất đạo đức của Chúa Trời có lẽ điều đầu tiên người ta nghĩ đến là đặc tính yêu thương. Những khía cạnh thể hiện tình yêu thương là bác ái, nhân từ, thương xót, và khoan dung. Có một số nền tảng Kinh Thánh kiến giải cho điều này. Chẳng hạn, sách Giăng cho rằng “Ai không yêu thì không biết Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời là tình yêu”; hay trong 2 Cô-rinh-tô nói về Chúa Trời của sự yêu thương và bình an (2 Cô-rinh-tô 13: 11). Nói chung, có thể hiểu tình yêu thương là Chúa Trời ban cho hay chia sẻ chính mình cho con người.

Tóm lại, bằng những hình ảnh cụ thể và thân thương, Kinh Thánh cho thấy có một Chúa Trời với những phẩm chất đạo đức thuần khiết, trung thực, chính trực, và yêu thương. Kinh Thánh trình bày thuộc tính và bản chất của Chúa không mang tính tư duy trừu tượng mà rất thực tiễn. Chính những phẩm chất đạo đức này là điểm quy chiếu hay chuẩn mực đạo đức cho tín đồ và đời sống đạo của mỗi cá nhân.

Về tính ba trong một của Chúa Trời: Ba Ngôi

Đối với người Kitô giáo giáo lý Ba Ngôi có vai trò rất quan trọng. Sự hiểu biết giáo lý này giúp nắm bắt rõ hơn đời sống thực tiễn của người tín đồ. Nó cho chúng ta biết tín đồ phải thờ phượng ai – chỉ

Chúa Cha, hay Chúa Giê-su, Chúa Thánh Linh, hay Chúa Trời Ba Ngôi? Tín đồ phải cầu nguyện với ai? Phải chăng công việc của mỗi ngôi được xem như là tách biệt nhau, hay có thể xem cái chết chuộc tội của Chúa Giê-su trên phương diện nào đó cũng là công việc của Chúa Cha? Có nên xem Chúa Giê-su ngang hàng bản tính với Chúa Cha, hay phải liệt xuống một vị trí nào đó thấp hơn?

Mặc dù Chúa Trời Ba Ngôi không được trình bày một cách rõ ràng trong Kinh Thánh nhưng có những đoạn Kinh Thánh cho thấy Chúa Trời là duy nhất; Ba Ngôi đều là Chúa Trời; và có những đoạn cho thấy hình ảnh gợi ý Ba Ngôi hợp nhất.

Tôn giáo của người Hê-bơ-rơ cổ là tôn giáo độc thần nghiêm ngặt, giống như Do Thái giáo ngày nay⁷. Sự độc nhất của Chúa Trời được biểu lộ cho dân Israel nhiều lần bằng nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn, Mười điều răn được bắt đầu với “Ta là Chúa, Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng đã đem ngươi ra khỏi xứ Ai-cập, tức khỏi nhà nô lệ: Trước mặt ta ngươi chớ có thờ các thần khác” (Xuất Hành 20: 2-3). Như vậy, Chúa Trời bày tỏ sự kiện mình là duy nhất qua những việc đã làm; do đó, xứng đáng nhận được sự độc quyền thờ phượng và trung thành của dân Israel. Việc cấm thờ hình tượng trong điều răn thứ hai (Xuất Hành 20: 4) cũng nói lên tính duy nhất này. Chúa không chấp nhận việc thờ phượng những vật con người tạo nên bởi có duy nhất một Chúa Trời. Việc bác bỏ đa thần giáo là điều được khẳng định trong suốt Cựu Ước.

Giáo lý Chúa Trời duy nhất không chỉ giới hạn trong Cựu Ước, mà trong Tân Ước, sách Gia-cơ khen ngợi niềm tin vào một Chúa Trời duy nhất (Gia-cơ 2: 19). Khi luận về vấn đề ăn thịt cúng thần tượng, Phao-lô nhấn mạnh đến sự độc nhất của Chúa Trời “chúng ta biết rằng thần tượng không thực hữu trong thế gian, và không có thần nào khác ngoài thần duy nhất là Đức Chúa Trời” (1 Cô-rinh-tô 8: 4). Cùng với đó, Phao-lô cũng loại bỏ việc thờ lạy hình tượng (1 Ti-mô-thê 2: 5-6).

Toàn bộ những bằng chứng trong Kinh Thánh trên cho thấy Kitô giáo là một tôn giáo độc thần. Vậy điều gì đã khiến Hội Thánh đi xa hơn? Kinh Thánh đưa ra những bằng chứng cho thấy Ba Ngôi đều là Chúa Trời. Nếu như ngôi thứ nhất Chúa Cha hầu như không có gì tranh luận, thì ngôi hai Chúa Giê-su lại phức tạp hơn, mặc dù Kinh Thánh

cũng xem là Chúa Trời. Đoạn Kinh Thánh nói về thần tính của Chúa Giê-su nằm trong sách Phi-líp. Phao-lô nói Chúa Giê-su có hình thể của Chúa Trời nhưng đã không xem bình đẳng với Chúa Trời (Phi-líp 2: 6). Một đoạn khác cũng có ý nghĩa rất quan trọng nằm trong sách Hê-bơ-rơ. Trong những câu mở đầu, tác giả muốn chứng minh Chúa Giê-su cao hơn các thiên sứ đã lưu ý Chúa Trời phán qua Chúa Giê-su, lập làm người kế tự muôn vật (Hê-bơ-rơ 1: 2). Sau đó, tác giả mô tả Chúa Giê-su là hình ảnh phản ánh trung thực Chúa Trời (Hê-bơ-rơ 1: 3). Ngoài việc tự bày tỏ, Chúa Trời gọi Chúa Giê-su là Chúa Trời (Hê-bơ-rơ 1: 8) và là Chúa (Hê-bơ-rơ 1: 10). Cuối cùng, Chúa Giê-su tự nhận biết về mình. Điều này có nghĩa là Chúa Giê-su tự cho mình sở hữu những điều mà Chúa Trời mới có. Chúa Giê-su gọi các thiên sứ của Chúa Trời (Lu-ca 12: 8-9, 15: 10) là thiên sứ của mình (Ma-thi-ơ 13: 14). Chúa Giê-su còn xem nước của Chúa Trời (Ma-thi-ơ 12: 28, 19: 14, 24; 21: 31, 43) và những người được chọn của Chúa Trời (Mác 13: 20) như là của mình. Ngoài ra, Chúa Giê-su cũng cho mình có quyền phán xét (Ma-thi-ơ 25: 31) và cai trị thế gian (Ma-thi-ơ 24: 30, Mác 14: 62).

Có những đoạn Kinh Thánh xem Chúa Thánh Linh là Chúa Trời; cách nói của hai ngôi có thể chuyển đổi cho nhau. Trong sách Công Vụ Sứ Đồ (5: 3-4) là một ví dụ. Nói dối Chúa Thánh Linh (Công Vụ Sứ Đồ 5:3) được xem là nói dối Chúa Trời (Công Vụ Sứ Đồ 5: 4). Chúa Thánh Linh được mô tả có những phẩm chất và thực hiện những công việc của Chúa Trời như cáo trách con người về tội lỗi, về sự công bằng, và phán xét (Giăng 16: 8-11); ban ơn cho Hội Thánh và có toàn quyền quyết định những ai nhận được ơn này (1 Cô-rinh-tô 12: 4-11).

Thoạt nhìn hai phát biểu Chúa Trời độc nhất và Chúa Trời Ba Ngôi dường như mâu thuẫn nhau. Tuy nhiên, Hội Thánh cho rằng Chúa Trời phải được hiểu là ba trong một, hay Ba Ngôi hợp nhất. Kết luận này được dựa trên dữ kiện Kinh Thánh. Có nhiều chỗ trong Kinh Thánh cho thấy Ba Ngôi kết hợp với nhau trong sự hợp nhất và bình đẳng. Một trong số đó là thể thức báp-tem⁸ được mô tả trong sứ mệnh rao giảng Phúc Âm (Ma-thi-ơ 28: 19-20): báp-tem trong danh Cha, Con, và Thánh Linh. Ở đây, lưu ý chữ “danh” là số ít nhưng vẫn bao hàm cả Ba Ngôi mà không có sự thua kém hay lệ thuộc. Điều này đã trở thành truyền thống rất sớm trong Giáo hội Kitô giáo.

Tóm lại, những phân tích ở trên cho thấy mặc dù giáo lý Ba Ngôi không được xác nhận một cách rõ ràng, nhưng trong Kinh Thánh, đặc biệt là Tân Ước, có rất nhiều câu gợi ý về tính duy nhất của Chúa Trời và sự hợp nhất của cả ba. Giáo lý độc thần đã khắc sâu trong truyền thống Kitô giáo và đóng vai trò rất quan trọng trong niềm tin cũng như trong đời sống của người tín đồ.

Về công việc của Chúa Trời

Công việc đầu tiên của Chúa Trời là sáng tạo nên mọi thứ mà không dùng đến các nguyên liệu có từ trước. Kinh Thánh cho giáo lý Sáng thế có một ý nghĩa rất quan trọng. Kinh Thánh mở đầu bằng “Đức Chúa Trời dựng nên trời và đất” (Sáng Thế 1: 1). Tuy thứ tự mô tả chưa đủ để khẳng định tầm quan trọng của vấn đề, nhưng trong trường hợp này sáng tạo được xem là sự kiện quan trọng đủ đặt lên đầu. Đó là một trong những lời khẳng định đầu tiên trong Tin Mừng theo Giăng, là lời khẳng định mang tính thần học nhất của các sách Phúc Âm trong Tân Ước. Giáo lý Sáng thế còn được tìm thấy trong chương bàn về đức tin trong sách Hê-bơ-rơ (1: 1-3) và khi nói về tương lai trong sách Khải Huyền (4: 11).

Như vậy, có thể nói, theo Kinh Thánh Chúa Trời mang lại sự tồn tại cho toàn thể thực tại. Trong Sáng Thế chúng ta thấy Chúa Trời phán và lời phán ngay lập tức trở thành hiện thực (Sáng Thế 1: 3, 6, 9). Sự sáng tạo là hành động không bị thúc ép bởi sức mạnh hay nguyên nhân nào từ bên ngoài. Hơn nữa, Chúa Trời không đặt mình vào tiến trình này, nói cách khác, Chúa Trời không được sáng tạo mà tự thân hiện hữu.

Mặc dù sáng tạo của Chúa Trời đem đến sự tồn tại của mọi thực tại vật chất, nhưng nó cũng bao hàm sự tạo thành tiếp theo những vật thể mới được định hình từ những chất liệu trước đó. Điều này được bao hàm qua các tường thuật trong Sáng Thế “nước phải đầy các sinh vật” (1: 20); và “đất phải sinh các sinh vật tùy theo các loại” (1: 20). Việc mô tả sinh ra con người đầu tiên cũng liên tưởng sử dụng một số loại vật liệu – bụi đất (Sáng Thế 2: 7). E-va được mô tả hình thành từ một phần cơ thể của A-đam (Sáng Thế 2: 21). Như vậy, qua Kinh Thánh có thể thấy Chúa Trời tạo ra vật chất từ hư không, sau đó trong hoạt động tiếp theo, đã tạo nên mọi thứ từ nguyên liệu sáng tạo lúc ban đầu.

Tóm lại, công việc sáng tạo có ý nghĩa thần học quan trọng, nó khẳng định không có thực tại tối thượng nào cao hơn Chúa Trời. Hành động tạo ra mọi vật ban đầu của Chúa là độc nhất, không giống với những hành động sáng tạo của con người vốn chỉ sử dụng những chất liệu sẵn có. Chính vì vậy, giáo lý Sáng thế không chỉ là một phần rất quan trọng trong niềm tin của Hội Thánh mà còn là khía cạnh không thể thiếu trong sự dạy dỗ và rao giảng của Hội Thánh. Do đó, sự hiểu biết về giáo lý này cũng rất quan trọng bởi nó ảnh hưởng đến hiểu biết các giáo lý khác. Chẳng hạn, con người được tạo nên từ những vật thể riêng biệt chứ không phải lưu xuất từ Chúa. Toàn bộ thế giới do Chúa Trời tạo ra và tuyên bố là tốt lành, nên phần thể xác không có gì là xấu so với linh hồn (trước khi phạm tội).

2. Quan niệm về con người trong Kinh Thánh

Quan niệm về con người là một trong những nội dung quan trọng của Kinh Thánh. Những mô tả về con người trong Kinh Thánh nhằm mục đích làm sáng rõ thẩm quyền, tình yêu, và sự thiện lành của Chúa.

Về nguồn gốc của con người

Cho đến nay có rất nhiều lý thuyết giải thích sự ra đời của con người và vũ trụ nói chung. Theo Kinh Thánh, con người được tạo ra theo hình và ảnh của Chúa “Đức Chúa Trời dùng bụi đất nặn nên con người, rồi hà sinh khí vào lỗ mũi, con người trở nên một sinh vật có linh hồn” (Sáng Thế 2: 7). Câu Kinh Thánh này dường như nhấn mạnh đến vật liệu và phương thức Chúa Trời tạo nên con người. Mục đích hay lý do sáng tạo ra con người là để sinh sản thêm và thay mặt Chúa quản trị thế giới (Sáng Thế 1: 26).

Có nhiều đoạn Kinh Thánh khác cũng đề cập đến nguồn gốc ra đời của con người. Sách Sáng Thế tóm tắt lại những gì Chúa Trời đã làm khi tạo ra con người đã tạo ra theo hình ảnh của mình (Sáng Thế 5: 1). Tác giả nói thêm Chúa dựng nên người nam và người nữ, và gọi họ là loài người (Sáng Thế 5: 2). Trong Kinh Thánh tội giết người bị cấm vì con người được tạo nên theo hình ảnh của Chúa “Ai làm đổ máu người ta, máu nó sẽ bị người ta làm đổ lại, vì Đức Chúa Trời đã dựng nên loài người theo hình ảnh của Ngài” (Sáng Thế 9: 6). Mặc dù đoạn Kinh Thánh này không nói con người vẫn mang hình ảnh của Chúa

Trời mà chỉ nói Chúa Trời đã tạo nên con người như hình ảnh của mình, những rõ ràng những gì Chúa tạo nên trước đó vẫn có ý nghĩa hoặc tác dụng ngay cả sau khi con người phạm tội.

Có hai đoạn trong Tân Ước liên quan đến sự sáng tạo của con người. Trong 1 Cô-rinh-tô, Phao-lô nói “người nam là hình ảnh và vinh hiển của Đức Chúa Trời, còn người nữ là vinh hiển của người nam” (1 Cô-rinh-tô 11: 7). Tuy Phao-lô không nói phụ nữ là hình ảnh của Chúa Trời mà chỉ nói phụ nữ vinh hiển của đàn ông nhưng người đàn ông lại là sự vinh hiển của Chúa. Trong sách Gia-cơ, tác giả lên án dùng lưỡi để nguyên rửa con người bởi con người được tạo theo hình ảnh của Chúa và lưỡi chỉ để dùng để ca ngợi Chúa (Gia-cơ 3: 9).

Tóm lại, điểm mấu chốt về nguồn gốc của con người là do Chúa sáng tạo ra theo hình ảnh của mình. Chính điều này làm cho con người khác với những sinh vật khác. Dù còn nhiều tranh luận xoay quanh chủ đề này và chưa đi đến sự thống nhất, nhưng quan niệm này rất quan trọng đối với người tín đồ. Sự hiểu biết nguồn gốc của loài người sẽ ảnh hưởng đến cách cư xử của người tín đồ với người khác bởi mọi người đều giống hình ảnh của Chúa nên không ai được tước đoạt quyền tự do hay xâm phạm đến quyền thực thi quản trị chính đáng của người khác.

Về bản chất của con người

Khi hỏi con người là gì thì vô hình chung chúng ta đã nêu ra nhiều câu hỏi khác nhau. Thứ nhất, như phần trước đã thảo luận, là câu hỏi về nguồn gốc. Nhưng câu hỏi con người là gì cũng làm nảy sinh vấn đề cấu tạo của con người. Con người là một tổng thể hợp nhất hay gồm có hai, hay ba thành phần. Nếu cấu tạo con người gồm nhiều thành phần khác nhau thì đó là những phần gì? Khi xem xét cấu tạo của con người cần phải đặc biệt cẩn thận nghiên cứu những điều đưa vào trong lý luận của mình. Bởi có rất nhiều ngành ngoài Kinh Thánh nghiên cứu về con người nên việc nghiên cứu dưới góc độ thần học cũng bị ảnh hưởng bởi những quan niệm bên ngoài. Do đó, cần phải bám sát vào Kinh Thánh trong cách hiểu về con người trong Kinh Thánh.

Trong lịch sử thần học Kitô giáo có rất nhiều quan điểm về bản chất của con người. Tuy nhiên, có lẽ quan điểm được ủng hộ rộng rãi

xuyên suốt phần lớn lịch sử Kitô giáo và có sự minh chứng của Kinh Thánh là con người được cấu thành bởi hai yếu tố vật chất (thể xác) và yếu tố phi vật chất (linh hồn)⁹. Thân xác là phần thuộc thể của con người, là phần sẽ chết đi. Khi con người chết thân xác sẽ bị phân hủy và trở về với cát bụi. Ngược lại, phần hồn thuộc về tâm linh của con người, là phần tồn tại sau khi chết. Chính bản chất bất tử của linh hồn làm cho con người khác với những loài động thực vật khác. Mỗi quan hệ giữa thể xác và linh hồn là linh hồn nằm trong và hành động qua thân xác. Thân xác là nơi cư trú và phương tiện của cuộc sống hiện tại trên trần gian.

Điều này được minh họa trong nhiều đoạn Kinh Thánh, như trong sách 1 Thê-sa-lô-ni-ca nói rằng “linh hồn và thân thể anh chị em được giữ gìn trọn vẹn, không chỗ trách được, cho đến khi Đức Chúa Jesus Christ, Chúa chúng ta, hiện đến” (1 Thê-sa-lô-ni-ca 5: 23). Sách Hê-bơ-rơ mô tả lời Chúa sống, linh nghiệm, và sắc bén đến nỗi có thể chia hồn và linh, cốt và tủy, phân biệt những tư tưởng và ý định trong lòng (Hê-bơ-rơ 4: 12). Ngoài ra, có những đoạn Kinh Thánh phân biệt giữa thân thể thiên nhiên, tức thể xác và thân thể thiêng liêng, tức linh hồn.

Cái chết có một vị trí quan trọng trong bản chất của con người. Theo Kinh Thánh, con người ai cũng phải chết “theo như đã định cho loài người, ai cũng phải chết một lần” (Hê-bơ-rơ 9: 27). Sách Rô-ma cho rằng con người sống cho Chúa và cũng chết cho Chúa, cho nên dù sống hay chết cũng đều thuộc về Chúa (Rô-ma 4: 18); hay “vì trong A-đam mọi người đều chết, thì trong đấng Christ mọi người đều được làm cho sống lại” (1 Cô-rinh-tô 15: 22). Những câu Kinh Thánh này nói về cái chết trên phương diện cá nhân, không nói rằng thân xác chết đi mà con người bằng cách nào đó vẫn còn sống. Kinh Thánh không bao giờ nói sự sống lại là của thân thể, mà là sự sống lại của cả con người.

Như vậy, quan niệm về nguồn gốc và bản chất của con người trong Kinh Thánh không phải là niềm tin quan trọng nhất nhưng nó có tác động rất lớn đến hành động của người tín đồ trong đời sống hàng ngày. Con người có nguồn gốc từ Chúa và Chúa xem trọng họ, nên những người tin Chúa phải có một quan điểm tương tự và thể hiện sự tôn trọng đúng đắn với người khác. Đặc biệt, quan niệm về cái chết và viễn cảnh sau khi chết có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống đạo đức.

3. Quan niệm tội lỗi trong Kinh Thánh

Vấn đề tội lỗi cũng là một nội dung quan trọng bởi nó liên hệ với các nội dung khác trong Kinh Thánh. Cho đến nay, đã có nhiều cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu tội lỗi, nhưng về mặt thần học cần phải phân tích những dữ kiện trong Kinh Thánh. Nguyên nhân, bản chất, và hậu quả của tội lỗi có thể được phân tích qua việc nghiên cứu những thuật ngữ về tội lỗi nêu ra trong Kinh Thánh.

Về bản chất của tội lỗi

Có rất nhiều thuật ngữ trong Kinh Thánh nói về tội lỗi như vô tín, phản loạn, bại hoại, không đạt được mục đích, v.v.. Vậy tội lỗi là gì? Ý tưởng chủ đạo xuyên suốt mọi cách thức mô tả khác nhau về tội lỗi là con người không tuân giữ luật của Chúa. Con người không đáp ứng được tiêu chuẩn của Chúa theo nhiều cách khác nhau. Có thể đi quá giới hạn đã định hoặc “vi phạm” như sách I-sai-a mô tả “chúng nó [con người – LVT nhấn mạnh] đã phản nghịch Ta” (I-sai-a 1: 2). Hoặc con người không đạt được tiêu chuẩn đề ra hay không thực hiện được những điều răn và mong đợi của Chúa.

Tuy nhiên, tội lỗi không chỉ là hành động tư tưởng và sai trái mà còn là tình trạng tội lỗi nữa, tức có một khuynh hướng cố hữu bên trong con người làm cho họ hướng đến suy nghĩ và hành động sai trái. Như vậy, từ những điều ở trên có thể thấy tội lỗi là điều không phù hợp, dù là bị động hay chủ động, đối với luật luân lý của Chúa Trời. Đó có thể là hành động, suy nghĩ hay xu hướng hoặc tình trạng bên trong. Tội lỗi là không sống đúng với điều mà Chúa mong đợi trong hành động, suy nghĩ, và bản chất.

Về nguồn gốc của tội lỗi

Như đã đề cập, trong Cựu Ước và Tân Ước có nhiều thuật ngữ nói về tội lỗi. Vậy nguồn gốc, nguyên nhân hay hoàn cảnh dẫn đến tội lỗi là gì? Trả lời câu hỏi này rất quan trọng bởi sự hiểu biết về nguồn gốc tội lỗi sẽ ảnh hưởng đến cách hiểu bản chất hành động cần thiết để ngăn chặn hay loại bỏ tội lỗi.

Kinh Thánh khẳng định tội lỗi không phải do Chúa gây ra. Gia-cơ đã loại bỏ ý tưởng mà một số người cho là thú vị này “khi ai đó bị cám dỗ, người đó chớ nói tôi bị Đức Chúa Trời cám dỗ, vì Đức Chúa

Trời không thể bị điều ác cám dỗ, và chính Ngài không cám dỗ ai” (Gia-cơ 1: 13). Kinh Thánh cũng không hề hậu thuẫn cho ý tưởng tội lỗi là kết quả tất yếu của chính cơ cấu thực tại¹⁰. Thay vào đó, ý thức trách nhiệm về tội lỗi được đặt trước mặt mỗi người “một người bị cám dỗ khi người ấy để dục vọng mình quyến rũ và lôi cuốn mình theo. Khi dục vọng thai nghén, nó sinh ra tội lỗi; khi tội lỗi phát triển đầy đủ nó sinh ra sự chết” (Gia-cơ 1: 14-15). Như vậy, qua đoạn Kinh Thánh này, có thể xác định được nền tảng hay nguyên nhân của tội lỗi đến từ những dục vọng của con người.

Con người có những mong muốn nhất định. Có một số mong muốn tự nhiên, tự thân vẫn là tốt, nhưng nó lại tiềm ẩn cám dỗ và tội lỗi.

Thứ nhất, mong muốn hưởng thụ. Chúa Trời đặt để trong con người một số nhu cầu. Việc thỏa mãn những nhu cầu này không những thiết yếu mà còn đem lại sự vui vẻ nữa. Chẳng hạn, nhu cầu về đồ ăn thức uống phải được thỏa mãn vì cuộc sống không thể thiếu những thứ đó được. Tuy nhiên, khi người ta theo đuổi đồ ăn thức uống chỉ vì niềm vui thích hưởng thụ và vượt quá giới hạn, thì đó là tội tham ăn. Như vậy, những nhu cầu được thỏa mãn theo những phương cách vượt quá giới hạn thông thường và đúng đắn, nó trở thành cơ sở của tội lỗi. Mọi sự thỏa mãn mong muốn tự nhiên theo cách không đúng đắn đều là “những ham muốn của con người tội lỗi” (1 Giăng 2: 16).

Thứ hai, mong muốn sở hữu. Việc chiếm hữu của cải cũng đóng một vai trò quan trọng trong chương trình sáng tạo của Chúa. Điều này được ngụ ý trong mệnh lệnh phải cai quản thế giới (Sáng Thế 1: 28) và những ẩn dụ về cương vị quản lý (Ma-thi-ơ 25: 14-30). Việc có thêm nhiều của cải vật chất được xem như là động cơ chính đáng khuyến khích sự chăm chỉ, siêng năng. Nhưng khi mong muốn chiếm hữu của cải trở nên mãnh liệt đến mức phải đạt bằng mọi giá, thậm chí bóc lột hay trộm cắp của cải của người khác thì nó đã thoái hóa thành “sự ham muốn của con mắt” (1 Giăng 2: 16).

Thứ ba, mong muốn hành động, thành đạt. Đây cũng là mong muốn tự nhiên và thích đáng; nó là một phần trong rất nhiều thứ Chúa mong đợi ở con người. Tuy nhiên, cũng giống như mong muốn hưởng thụ và sở hữu, khi sự thôi thúc vượt quá giới hạn đúng đắn và được theo đuổi đến cùng bất chấp sự thiệt hại của người khác, thì nó thoái

hóa thành “khoe khoang về điều mình có và về điều mình làm” (1 Giăng 2: 16).

Như vậy, có những phương cách đúng đắn để thỏa mãn mong muốn của con người, nhưng cũng có những giới hạn đối với mỗi mong muốn mà Chúa đã định rõ. Vi phạm giới hạn và không tuân giữ lề luật của Chúa là tội lỗi. Và con người sau A-đam và Ê-va, xu hướng làm điều tội lỗi trở thành một phần trong bản tính.

Về hậu quả của tội lỗi

Một trong những nội dung xuyên suốt Cựu Ước và Tân Ước là tội lỗi để lại hậu quả rất nghiêm trọng, sâu rộng và lâu dài. Những hậu quả này gồm có hình phạt và cái chết.

Kinh Thánh cho rằng tội lỗi của A-đam và Ê-va làm cho mối liên hệ giữa con người và Chúa bị mất đi. Tội lỗi làm cho hình ảnh của Chúa bị hủy hoại nên cần phải có hình phạt tương ứng. Quan điểm về hình phạt được tìm thấy trong nhiều đoạn Kinh Thánh có tính thuật kể. Để trừng phạt tội lỗi của con người, Chúa đã gây ra trận lụt lớn để hủy diệt loài người (Sáng Thế 6). Trường hợp của Sô-đôm và Gô-mô-ra¹¹ cũng tương tự như vậy. Bởi tội ác của những thành này nên Chúa đã hành động để hủy diệt họ. Hành động như vậy của Chúa chỉ đơn thuần là hình phạt cho những tội lỗi của họ.

Dù ít thấy hơn trong Cựu Ước, nhưng những ý tưởng về hình phạt cũng được tìm thấy trong Tân Ước. Tuy nhiên, những hình phạt hướng tới tương lai nhiều hơn ở hiện tại. Cả Rô-ma (12:9) và Hê-bơ-rơ (10: 30) đều diễn tả ý “sự báo thù thuộc về ta; Ta sẽ báo ứng” (Phục Truyền Luật Lệ 32: 35). Mục đích của Phao-lô trong Rô-ma là để ngăn chặn tín hữu khỏi toan tính báo thù những việc làm sai trái mà họ phải chịu. Bởi Chúa công lý nên những điều sai trái, tội lỗi không thể tránh khỏi sự trừng phạt.

Cái chết là một trong những hậu quả hiển nhiên của tội lỗi. Điều này trước tiên được thể hiện bằng việc Chúa cấm A-đam và Ê-va ăn trái của cây biết điều thiện và điều ác “hễ ngày nào người ăn trái cây ấy, người sẽ chết” (Sáng Thế 2: 17). Điều này cũng được tìm thấy trong hình thức giáo huấn “tiền công của tội lỗi là sự chết” (Rô-ma 6: 23). Theo quan điểm của Phao-lô, giống như tiền công, cái chết là kết quả xứng đáng cho những điều con người đã làm.

Ngoài ra, tội lỗi còn đem lại những hậu quả nội tại cho người phạm tội như tình trạng nô lệ, trốn chạy thực tế, phủ nhận tội lỗi, tự lừa dối, thiếu nhạy cảm, cho mình là trung tâm, và mất bình an. Những hậu quả đối với người có tội này cũng có ảnh hưởng về mặt xã hội qua sự cạnh tranh, sự thiếu cảm thông, và mất khả năng yêu thương. Tóm lại, theo Kinh Thánh tội lỗi để lại những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng sâu rộng đến mối liên hệ với Chúa và với người khác. Chính vì vậy, cần đòi hỏi cần có những giải pháp cứu con người khỏi tội lỗi.

4. Quan niệm cứu rỗi trong Kinh Thánh

Cứu rỗi là sự áp dụng công việc của Chúa vào đời sống của con người. Chính vì vậy, giáo lý cứu rỗi hấp dẫn và có tác dụng đặc biệt bởi nó là nhu cầu chủ yếu nhất của con người. Và do đó, đây cũng là một nội dung hiển nhiên trong Kinh Thánh. Có hai khía cạnh thường được quan tâm trong vấn đề cứu rỗi là hình thức và phạm vi cứu rỗi.

Về hình thức cứu rỗi

Theo quan điểm Tin Lành, lời Chúa trong Kinh Thánh đóng một vai trò không thể thiếu trong toàn bộ vấn đề cứu rỗi. Trong sách Rô-ma, Phao-lô mô tả tình trạng thê thảm của những người không tin Chúa. Theo đó, họ không có sự công bằng, hoàn toàn không xứng đáng với ân điển và cứu rỗi của Chúa (Rô-ma 3: 9-20). Câu hỏi đặt ra làm sao họ được cứu? Họ chỉ được cứu khi kêu cầu danh Chúa (Rô-ma 10: 13). Tuy nhiên để kêu cầu thì họ phải tin, nhưng họ không thể tin nếu như chưa nghe giảng; do đó, phải có người rao giảng Tin Lành cho họ (Rô-ma 10: 14-15). Phao-lô cũng viết cho Ti-mô-thê về tầm quan trọng của lời Chúa đối với sự cứu rỗi. Phần kinh văn Ti-mô-thê biết từ thời thơ ấu là “Kinh Thánh có thể làm con khôn ngoan để hưởng ơn cứu rỗi bởi đức tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ” (2 Ti-mô-thê 3: 15).

Như vậy, qua những đoạn Kinh Thánh trên, có thể thấy cứu rỗi không đến từ việc làm mà là kết quả của niềm tin. Lời Chúa, dù đọc hay giảng, cũng đều là phương tiện Chúa dùng để bày tỏ sự cứu rỗi; niềm tin chính là phương tiện để nhận được sự cứu rỗi đó. Điều này được Phao-lô nói rõ “nhờ ân sủng, bởi đức tin, mà anh chị em được cứu; điều ấy không đến từ anh chị em, bèn là tặng phẩm của Đức Chúa Trời; đó không phải là thành quả của việc làm, vì thế không ai

có thể tự hào” (Ê-phê-sô 2: 8-9). Quan điểm lời Chúa và niềm tin là phương tiện cứu rỗi còn được củng cố qua nhiều câu Kinh Thánh khác. Chẳng hạn, “quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu mọi người có lòng tin, trước là người Do Thái, sau là người Hy Lạp. Vì trong Tin Mừng ấy, sự công chính của Đức Chúa Trời sẽ được biểu lộ từ đức tin đến đức tin, như có chép rằng, người công chính sẽ sống bởi đức tin” (Rô-ma 1: 16-17). Phao-lô cũng xác nhận chỉ có con đường cứu rỗi bằng niềm tin cho mọi người, dù là dân Do Thái hay dân chưa tin Chúa (Rô-ma 3: 28-29).

Về phạm vi cứu rỗi

Phạm vi cứu rỗi trả lời câu hỏi ai sẽ được cứu. Phải chăng tất cả mọi người đều được cứu? Quan điểm Hội Thánh xuyên suốt lịch sử là cho dù một số hay thậm chí nhiều người được cứu nhưng vẫn có một số người không nhận được điều này. Đây không phải quan điểm tự thân của Hội Thánh mà có những đoạn Kinh Thánh cho thấy có một số người sẽ không được cứu.

Trong Ma-thi-ơ nói rằng “những kẻ ấy [những người ác – LVT nhấn mạnh] sẽ đi vào hình phạt đời đời, còn những người công chính sẽ đi vào hưởng thụ sự sống đời đời” (Ma-thi-ơ 25: 46); hay trong Giăng “ai làm điều thiện sẽ sống lại hưởng thụ sự sống, và kẻ làm điều ác sẽ sống lại để chịu sự phán xét” (Giăng 5: 29). Ngoài ra, còn có nhiều câu Kinh Thánh khác cho rằng không phải ai cũng được cứu, có thể kể đến như Ma-thi-ơ (8: 12, 25: 41); Mác (3: 29); Rô-ma (2: 5); 2 Thê-si-lô-ni-ca (1: 9); Khải Huyền (21: 8).

Mặc dù trong Kinh Thánh có những đoạn ủng hộ quan điểm tất cả mọi người đều được cứu như Chúa “giải cứu mọi người, đặc biệt những người có lòng tin” (Ti-mô-thê 4: 10); hay “Đức Chúa Trời đã nhốt mọi người trong sự không vâng phục, để Ngài có thể thương xót tất cả” (Rô-ma 11: 32). Tuy nhiên, nếu dựa vào số lượng câu Kinh Thánh cho rằng một số người không được cứu vẫn nhiều hơn những câu cho rằng tất cả sẽ được cứu.

Như vậy, không phải ai cũng được cứu là kết luận trung thành với Kinh Thánh. Đây chính là động cơ thúc đẩy cho nỗ lực truyền bá Phúc Âm của người Tin Lành.

5. Quan niệm Hội Thánh trong Kinh Thánh

Hội Thánh là một trong những hình thức thể hiện mối quan hệ tập thể giữa các tín đồ với nhau. Để hiểu Hội Thánh tốt nhất cần phải dựa vào Kinh Thánh bởi Kinh Thánh đã dùng nhiều hình ảnh mô tả về Hội Thánh. Bài viết tìm hiểu Hội Thánh trên các chiều cạnh bản chất và vai trò.

Về bản chất của Hội Thánh

Ở đây chúng ta đang bàn luận về bản chất của sự cứu rỗi liên quan đến cá nhân tín đồ. Tuy nhiên, nếp sống của tín đồ đạo Tin Lành không sống ẩn dật như một số truyền thống tôn giáo khác. Điển hình, trong sách Công Vụ, việc theo đạo đã đưa mỗi cá nhân tín hữu vào mối liên hệ với một nhóm tín đồ. Phương diện đời sống đạo của tín đồ được hiểu là Hội Thánh.

Thuật ngữ Hội Thánh xuất phát từ thuật ngữ Hy Lạp “Kuriakos”, tức là thuộc về Chúa. Trước nay, vấn đề này thường được tiếp cận thông qua khảo cứu các tính chất của Hội Thánh – tính duy nhất, thánh thiện, phổ quát, và tông truyền¹². Tuy nhiên, bài viết này sẽ khảo cứu bản chất của Hội Thánh thông qua cách hiểu của Phao-lô trong Kinh Thánh. Theo đó, Phao-lô đã mô tả bản chất của Hội Thánh là dân của Chúa, thân thể của Đấng Christ, và đền thờ của Chúa Thánh Linh.

Phao-lô viết về ý định của Chúa để người dẫn trở nên tín hữu “Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của họ, và họ sẽ làm dân Ta” (1 Cô-rinh-tô 6: 16). Như vậy, Hội Thánh được cấu thành bởi tín đồ, họ thuộc về Chúa và Chúa thuộc về họ. Ngoài ra, khái niệm Hội Thánh là dân của Chúa nhấn mạnh đến sự chủ động khi lựa chọn. Bởi là dân của Chúa nên người tín hữu luôn được mong đợi có những phẩm chất thánh thiện đặc biệt. Được xem là nòng dậu của Chúa, nên Hội Thánh cũng phải thánh: “người làm chồng, hãy yêu thương vợ như Đấng Christ đã yêu thương hội thánh và phó chính Ngài vì hội thánh, để Ngài có thể thánh hóa hội thánh, sau khi thanh tẩy hội thánh bằng nước, tức lời Ngài, hầu tạo cho chính Ngài một hội thánh đẹp lộng lẫy, không hoen ố, không vết nhăn, và không khuyết điểm, nhưng thánh khiết và vẹn toàn” (Ê-phê-sô 5: 25-27).

Hình ảnh thân thể Đấng Christ nhấn mạnh Hội Thánh là nơi Chúa hành động, cũng giống như thân xác trong thời gian thi hành chức vụ trên trần gian. Sách Ê-phê-sô đã mô tả về Hội Thánh là “thân thể Đấng Christ và sự đầy đủ của Đấng Christ, Đấng đầy rẫy ở mọi lúc mọi nơi” (Ê-phê-sô 1: 23). Ngoài ra, hình ảnh này còn nhấn mạnh sự liên kết của Hội Thánh, một nhóm tín hữu, với Chúa và mối liên hệ tương hỗ giữa mọi người trong Hội Thánh. “Giống như thân thể con người, một thân nhưng có nhiều bộ phận, và tất cả các bộ phận của thân dù nhiều, nhưng vẫn thuộc về một thân” (1 Cô-rinh-tô 12: 12).

Cách hiểu cuối cùng của Phao-lô về Hội Thánh là đền thờ của Chúa Thánh Linh. Chính Chúa Thánh Linh đã thành lập Hội Thánh vào ngày lễ Ngũ Tuần, khi làm báp-tem cho các môn đồ và khiến cho 3000 người tin nhận Chúa để khai sinh ra Hội Thánh¹³. Sau đó, Chúa Thánh Linh tiếp tục ở lại và trao quyền cho Hội Thánh “cùng một Đức Thánh Linh mà tất cả chúng ta được báp-tem vào một thân, bất luận người Do Thái hay người Hy Lạp, bất kể nô lệ hay tự do” (1 Cô-rinh-tô 12: 13).

Như vậy, Kinh Thánh xem Hội Thánh là tổ chức do Chúa lập ra chứ không phải là một hiện tượng xã hội. Nó là sự tiếp nối hiện diện của Chúa và chức vụ của Chúa trên trần gian.

Vai trò của Hội Thánh

Hội Thánh được trao quyền thực hiện chức vụ của Chúa trên trần gian. Để thực hiện nhiệm vụ này, Hội Thánh phải thực hiện một số chức năng nhất định là rao giảng Phúc Âm, gây dựng tín đồ, thờ phượng, và công tác xã hội.

Rao giảng Phúc Âm là chủ đề duy nhất được nhấn mạnh trong cả hai phần ký thuật về những lời sau cùng của Chúa Giê-su dành cho môn đồ. Trong Ma-thi-ơ, Chúa đã truyền cho các môn đồ “hãy đi làm cho mọi dân trở thành môn đồ Ta” (28: 19). Trong Công Vụ Các Sứ Đồ, Chúa nói “khi Đức Thánh Linh giáng trên các người, các người sẽ nhận lãnh quyền năng và làm những nhân chứng của Ta tại Giê-su-sa-lem, khắp miền núi Giu-đê, miền Sa-ma-ri, cho đến tận cùng trái đất” (1: 8). Đây là vấn đề cuối cùng mà Chúa nói với các môn đồ. Có lẽ việc rao giảng Phúc Âm là lý do chính cho sự hiện diện của họ.

Việc rao giảng Phúc Âm là một mệnh lệnh dù con người muốn hay không. Khi tin nhận Chúa, tín đồ đạo Tin Lành đã đặt mình dưới sự quản trị của Chúa; do đó, họ phải có trách nhiệm thực hiện những gì Chúa giao. Bởi trong Kinh Thánh, Chúa có nói “nếu các người yêu kính Ta, hãy vâng giữ điều răn Ta” (Giăng 14: 15); hay “ai có những điều răn của Ta và vâng giữ, ấy là người yêu kính Ta” (Giăng 14: 21); và “các người làm bạn Ta nếu các người làm những điều Ta truyền dạy cho các người” (Giăng 15: 14). Như vậy, nếu là tín đồ Tin Lành thực sự tin nhận Chúa thì họ sẽ thực hiện việc rao giảng Phúc Âm như Chúa kêu gọi. Đây không phải là vấn đề có lựa chọn hay không.

Vai trò quan trọng thứ hai của Hội Thánh là gây dựng tín đồ. Mặc dù Chúa Giê-su nhấn mạnh rao giảng Phúc Âm nhiều hơn nhưng về mặt logic thì gây dựng tín đồ phải có trước. Phao-lô nhiều lần nói về sự gây dựng này, chẳng hạn, ông cho biết Chúa đã trao cho Hội Thánh những nhiệm vụ khác nhau “để trang bị các thánh đồ cho những công tác phục vụ, nhằm xây dựng thân thể Đấng Christ” (Ê-phê-sô 4: 12). Các tín hữu phải lớn lên từ Chúa “toàn thân được gắn liền và nối kết với nhau bằng những cơ cốt gân mạch, nhờ đó mỗi bộ phận được thực hiện theo chức năng riêng của mình, khiến cho thân thể tăng trưởng và tự gây dựng trong tình yêu thương” (Ê-phê-sô 4: 16). Hơn nữa, tiềm năng gây dựng còn là tiêu chuẩn đánh giá hoạt động của Hội Thánh.

Một sinh hoạt khác nữa của Hội Thánh là thờ phượng. Trong khi gây dựng tập trung vào tín hữu thì thờ phượng tập trung vào Chúa. Hội Thánh đầu tiên được nhóm họp để thờ phượng đều đặn, một sinh hoạt được Phao-lô truyền dạy và khen ngợi. Việc ông dạy các tín hữu tại Cô-rinh-tô để dành tiền vào ngày thứ nhất mỗi tuần (1 Cô-rinh-tô 16: 2) cho thấy họ thường xuyên nhóm họp thờ phượng vào ngày đó. Tác giả sách Hê-bơ-rơ cũng thúc giục “đừng bỏ sự nhóm lại với nhau như một số người quen làm” (10: 25). Mặc dù đối tượng tập trung vào Chúa, nhưng nó cũng đem lại lợi ích cho người tín đồ. Điều này được suy ra từ lời khuyến cáo của Phao-lô chống lại lời, cầu nguyện, ca hát, và tạ ơn nào mà không gây dựng vì không có ai để giải thích ý nghĩa cho người không hiểu” (1 Cô-rinh-tô 14: 15-1).

Bất kể trong vai trò nào, Hội Thánh cũng có trách nhiệm bày tỏ hành động yêu thương và lòng trắc ẩn đối với cả tín hữu và người bên

ngoài. Rõ ràng, Chúa Giê-su đã quan tâm đến nan đề của người nghèo khổ. Nếu Hội Thánh muốn tiếp tục chức vụ của Chúa thì phải tham gia vào một công tác nào đó để phục vụ người nghèo khổ¹⁴. Việc Chúa Giê-su mong muốn điều này nơi các tín hữu được thể hiện rõ trong ngụ ngôn về người Sa-ma-ri tốt lành (Lu-ca 10: 25-27). Sự nhấn mạnh đến công tác xã hội còn được nói đến trong các bức thư. Gia-cơ đặc biệt nhấn mạnh sự thực hành của Kitô giáo. Chẳng hạn định nghĩa của ông về tôn giáo “sự theo đạo trong sạch và không nhờ nhuốc trước mặt Đức Chúa Trời Cha chúng ta là thăm viếng các cô nhi và quả phụ trong cơn khốn khó của họ và giữ mình khỏi bị ô nhiễm bởi thế gian” (Gia-cơ 1: 27).

Để làm tốt công tác xã hội, Hội Thánh phải bày tỏ lòng quan tâm và thể hiện hành động ở bất cứ nơi nào có nhu cầu, đau khổ, hay sai phạm. Trong một số trường hợp, Hội Thánh cần làm dịu nỗi đau, tức giải quyết ngọn của vấn đề. Trong những trường hợp khác, Hội Thánh phải hành động để thay đổi hoàn cảnh gây ra vấn đề. Có những lúc Hội Thánh hành động tập thể lại mang nhiều kết quả hơn từng cá nhân tin đồ hành động riêng rẽ; trong một số trường hợp khác thì ngược lại”¹⁵.

Tóm lại, vào thời Kinh Thánh, Hội Thánh nhóm lại để thờ phượng và dạy dỗ. Sau đó, Hội Thánh đi ra để truyền giảng Phúc Âm. Trong sự thờ phượng, các thành viên Hội Thánh tập trung vào Chúa; trong sự dạy dỗ, họ tập trung vào bản thân và những tín hữu khác; trong rao truyền Phúc Âm, họ chú ý đến những người chưa tin nhận Chúa. Để tiếp tục tồn tại, Hội Thánh cần phải sẵn sàng phục vụ, phải linh hoạt và mềm dẻo để thích nghi với những hoàn cảnh đang thay đổi của thế giới.

Kết luận

Kinh Thánh là một tác phẩm đồ sộ bao chứa rất nhiều nội dung từ luật pháp, văn học, nghệ thuật đến kiến trúc, âm nhạc, đạo đức, và lễ đương nhiên là tôn giáo. Bài viết khảo sát khía cạnh nội dung thần học Tin Lành trong Kinh Thánh. Theo đó, Kinh Thánh có những lập luận kiến giải về bản chất của Chúa, nguồn gốc và bản chất của con người và tội lỗi, hình thức và phạm vi cứu rỗi, bản chất và vai trò của Hội Thánh. Những nội dung cơ bản này không những là nền tảng giáo lý mà còn là tiêu chuẩn hướng dẫn thực hành đời sống đạo của tín đồ Tin Lành.

Thứ nhất, Chúa Trời được mô tả trong Kinh Thánh là đấng thần linh, có sự sống vô hạn, và bất biến không thay đổi. Bên cạnh đó, Kinh Thánh còn cho thấy Chúa Trời có những phẩm chất đạo đức thuần khiết, trung thực, chính trực và yêu thương. Những phẩm chất đạo đức này chính là chuẩn mực đạo đức cho tín đồ và là nền tảng cho đời sống đạo của mỗi cá nhân.

Thứ hai, con người được sáng tạo theo hình ảnh của Chúa với mục đích làm vinh quang cho chính Chúa. Sự hiểu biết của con người có nguồn gốc từ Chúa, ảnh hưởng đến cách cư xử giữa người với người. Về bản chất, con người được cấu thành bởi hai yếu tố vật chất (thể xác) và phi vật chất (linh hồn). Linh hồn nằm trong và hành động qua thân xác, còn thân xác là nơi cư trú và phương tiện hiện tại trên trần gian. Quan niệm về sự mất đi của thân xác, tức cái chết, và viễn cảnh sau khi chết cũng ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống đạo đức của người tín đồ.

Thứ ba, con người đã phạm tội do không tuân giữ luật của Chúa, không đáp ứng được tiêu chuẩn của Chúa theo nhiều cách khác nhau, có thể là vượt giới hạn đã định hoặc vi phạm. Những điều đó đến từ những dục vọng mong muốn của con người như mong muốn hưởng thụ, mong muốn sở hữu, mong muốn hành động và thành đạt. Chính tội lỗi đã làm cho mối quan hệ giữa con người và Chúa bị mất đi; do đó, cần phải có hình phạt tương ứng như trận đại hồng thủy, và cái chết là hình phạt cao nhất mà con người phải chịu. Tuy nhiên, Chúa đã cứu rỗi con người khỏi tình trạng tội lỗi.

Thứ tư, Kinh Thánh cho thấy cứu rỗi không đến từ việc làm mà đến từ đức tin, trong đó lời Chúa đóng một vai trò quan trọng. Nhưng không phải ai cũng được cứu là kết luận trung thành với Kinh Thánh, đây chính là động cơ thúc đẩy cho nỗ lực truyền bá Phúc Âm của người Tin Lành.

Thứ năm, Kinh Thánh dùng nhiều hình ảnh để mô tả về Hội Thánh. Trong số những hình ảnh quan trọng nhất về Hội Thánh là dân của Chúa, thân thể của Đấng Christ, và đền thờ của Đức Thánh Linh. Hội Thánh được trao quyền thực hiện chức vụ của Chúa trên trần gian. Để hoàn thành nhiệm vụ này, Hội Thánh phải thực hiện một số chức năng nhất định. Đó là rao giảng Phúc Âm, một mệnh lệnh dù con người muốn hay không. Khi tin nhận Chúa, tín đồ Tin Lành phải đặt mình

dưới sự quản trị của Thiên Chúa; do đó, họ có trách nhiệm thực hiện những gì Chúa giao. Gây dựng tín đồ cũng là một trong những nhiệm vụ, về mặt logic phải có trước rao giảng Phúc Âm, và tiềm năng gây dựng tín đồ là tiêu chuẩn đánh giá hoạt động của Hội Thánh. Một sinh hoạt khác nữa của Hội Thánh là thờ phượng. Trong khi gây dựng tập trung vào tín hữu thì thờ phượng tập trung vào Chúa, nhưng nó cũng đem lại lợi ích cho người thờ phượng. Cuối cùng, Hội Thánh phải có trách nhiệm bày tỏ hành động yêu thương và lòng trắc ẩn đối với cả tín hữu và người chưa tin Chúa.

Như vậy, qua nghiên cứu cho thấy Kinh Thánh có hàng loạt nội dung đặt nền tảng trọng tâm cho Kitô giáo. Ý tưởng có một Chúa Trời sáng tạo ra trời đất và con người, sau đó con người phạm tội nhưng đã được Chúa cứu bằng niềm tin của chính họ; việc tin nhận Chúa đã đưa mỗi cá nhân tín đồ vào mối liên hệ trong một cộng đồng gọi là Hội Thánh. Nói cách khác, Kinh Thánh có trình tự rất logic về niềm tin và mối quan hệ giữa niềm tin với việc thực hành niềm tin trong cộng đồng Kitô giáo. Những quan niệm sống của người tín hữu đều được xây dựng trên lập trường này. Cho nên, việc hiểu những nội dung cơ bản này sẽ giúp chúng ta hiểu sâu sắc đời sống sinh hoạt của người tín hữu./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Mặc dù Kinh Thánh đã tồn tại từ rất lâu trước khi có sự ra đời của đạo Tin Lành nhưng đạo Tin Lành đã đem lại cho Kinh Thánh quyền uy tối thượng trong việc quyết định niềm tin của con người. Các giáo hội cùng sử dụng Kinh Thánh đều thống nhất Kinh Thánh bao gồm hai phần Cựu Ước và Tân Ước. Xét về mặt thời gian, sự kiện Chúa Giê-su giáng sinh được lấy làm mốc phân chia. Xét về mặt nội dung, theo thần học Kitô giáo thì bộ Kinh Thánh thể hiện “giao ước” (testament) giữa Thiên Chúa và con người. Mặt khác việc phân chia Kinh Thánh làm hai phần còn đánh dấu sự ra đời của một tôn giáo mới là Kitô giáo. Cùng thờ phượng Thiên Chúa nhưng Do Thái giáo chỉ nhận Cựu Ước làm Kinh Thánh bởi họ cho rằng Đấng Cứu thế (Christ) sẽ đến cứu nhân loại nhưng chưa đến. Ngược lại, tín đồ Kitô giáo lại cho rằng Đấng Cứu thế đã đến, chính là Chúa Giê-su. Do đó, các giáo hội Kitô giáo đều nhận cả Cựu Ước và Tân Ước là Kinh Thánh. Về số lượng, phần Tân Ước gồm 27 tác phẩm được các giáo hội thống nhất xác định ngay từ đầu. Riêng phần Cựu Ước không có sự thống nhất giữa các giáo hội. Do Thái giáo và Tin Lành chỉ nhận 39 tác phẩm viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ, còn Công giáo và Chính Thống giáo nhận thêm 7 tác phẩm bằng tiếng Hy Lạp, đó là các sách Tô-bi-a, Giu-đi-tha, sách Khôn ngoan, Huấn ca, Ma-ca-bê 1 và 2. Người Tin Lành gọi những sách này là Ngụy thư, không có căn cứ. Như vậy, đạo Tin Lành ra đời chủ trương quay trở về với giáo hội thời kì sơ khai gần gũi với những

gì trong Tân Ước; do đó, Cựu Ước phải được dịch từ nguyên bản tiếng Hê-bơ-ơ và Tân Ước phải được dịch trực tiếp từ tiếng Hy Lạp.

Đạo Tin Lành là một tôn giáo đa dạng bao gồm nhiều giáo phái khác nhau, giữa các giáo phái cũng có sự khác nhau nhất định. Tuy nhiên, sự khác biệt đó nằm ngoài phạm vi của bài viết, thay vào đó bài viết chỉ tập trung vào những nội dung được các giáo phái Tin Lành thừa nhận chung trên một mức độ có thể chấp nhận được.

Cần nói thêm, cho đến nay có rất nhiều bản dịch Kinh Thánh được sử dụng trong cộng đồng đạo Tin Lành. Trong bài viết này tôi sử dụng bản dịch Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước của Hội Thánh Việt Ngữ (bản dịch 2011, ấn bản 2015), lý do đây là bản dịch mới có sửa chữa bổ sung thêm nhiều từ ngữ mới cho phù hợp với bối cảnh văn hóa hiện đại. Bên cạnh đó, ở đầu mỗi sách đều đề cập đến những vấn đề chính như tác giả, thời gian viết, mục đích, các câu gốc, bố cục, và các nhân vật chính; điều này giúp cho người đọc dễ dàng nắm bắt các ý tưởng chính.

- 2 John H. Hayes (2008), *Nhập môn Kinh Thánh*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 16.
- 3 Xem thêm: Jean Bauérot (Trần Sa dịch, 2006), *Lịch sử đạo Tin Lành*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 10-17.
- 4 Thiên Chúa, Chúa Trời, hay Đức Chúa Trời đều là tên gọi chỉ đối tượng thiêng liêng tin và thờ của người Kitô giáo. Người Công giáo sử dụng tên gọi Thiên Chúa, trong khi người Tin Lành thường sử dụng Đức Chúa Trời. Đề trung lập, trong bài viết này chúng tôi thống nhất sử dụng tên gọi Chúa Trời. Tuy nhiên, ở những đoạn trích dẫn để khách quan chúng tôi vẫn giữ nguyên theo tài liệu.
- 5 Louis Berkhof (1953), *Systematic Theology, Grand Rapids: Eerdmans*, tr 73. Dẫn theo: Millard J. Erickson (2007), *Thần học Cơ đốc giáo*, Tập I, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 314.
- 6 Eg. Eberhard Jungel, *God as the Mystery of the World*, Darrell L. Gruder dịch (Grand Rapids: Eerdmans, 1983) page 314. Dẫn theo Millard J. Erickson (2007), *Sđđ*, tập I, tr. 321.
- 7 Millard J. Erickson (2007), *Sđđ*, tập I, tr. 354.
- 8 Báp-tem là nghi lễ gia nhập tôn giáo của người Tin Lành. Khác với Công giáo khi trẻ em mới sinh ra được đưa đến nhà thờ làm lễ rửa tội với ý nghĩa giải thoát khỏi tội lỗi do A-đam và Ê-va để lại, đạo Tin Lành chỉ làm lễ Báp-tem cho một người đủ lớn để hiểu biết về Chúa và lời Chúa dựa trên nhận thức cá nhân bởi với họ không có một tổ chức chính trị hay tôn giáo nào có quyền quyết định niềm tin của con người.
- 9 Millard J. Erickson (2007), *Sđđ*, tập I, tr. 551. Quan điểm con người được cấu thành bởi hai yếu tố vật chất và phi vật chất được ủng hộ rộng rãi khi Kitô giáo mới bắt đầu manh nha. Tuy nhiên, chỉ sau Công đồng Constantinophe năm 381 thì quan điểm này mới trở nên phổ biến tới mức trở thành niềm tin chính thức của Giáo hội Kitô giáo.
- 10 Millard J. Erickson (2007), *Sđđ*, tập I, tr. 624.
- 11 Sô-dôm và Gô-mô-ra là hai thành trong thời Kinh Thánh Cựu Ước. Bờ dân trong thành phạm tội quá nhiều nên Chúa Trời đã tiêu diệt hai thành này (Sáng Thế 19: 12-16, 23-25). Sau này, Chúa Giê-su dùng những thành phố này làm biểu tượng của tội ác (Ma-thi-ơ 10: 15).
- 12 Xem thêm: Nguyễn Hồng Dương (2012), *Công giáo thế giới: Tri thức cơ bản*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội: 66. Theo đó, “Duy nhất” nghĩa là chỉ có một Giáo hội Rôma, trong đó các tín hữu cùng đức tin, cùng chịu các phép bí tích, cùng phục quyền Giáo hoàng; “Thánh thiện” chỉ sự thiêng liêng, Giáo hội do Chúa Giê-

su lập bởi thánh ý Chúa, và Giáo hội là nguồn của sự thánh thiện; “Phổ quát” với ý nghĩa là tôn giáo mà ai tin sẽ được cứu rỗi linh hồn; “Tông truyền” là xây dựng trên nền tảng Thánh Tông đồ, các vị lãnh đạo Giáo hội là kế vị các Thánh Tông đồ.

- 13 Millard J. Erickson (2007), Sdd, tập II, tr. 389.
- 14 Sherwood Wirt, *The Social Conscience of the Evangelical* (New York: Harper & Row, 1968), page 19-26. Dẫn theo: Millard J. Erickson (2007), Sdd, Tập II, tr. 407
- 15 David O. Moberg, Inasmuch: *Christian Social Responsibility in the Twentieth Century* (Grand Rapids: Eedermans, 1965), page 81-82. Dẫn theo: Millard J. Erickson (2007), Sdd, Tập II, tr. 408.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alan Crown (1975), *Biblical Studies Today*, Chevalier Press.
2. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Công giáo thế giới: Tri thức cơ bản*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
3. Hans J. Hillerbrand (2004), *The Encyclopedia of Protestantism*, Routledge New York London.
4. Henrietta C. Mears (2006), *Để hiểu Kinh Thánh Cựu Ước*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Nguyễn Xuân Hùng (2001), “Về nguồn gốc và sự xuất hiện tên gọi đạo Tin Lành ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
6. Hội Thánh Kinh Việt Ngữ (2011), *Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Millard J. Erickson (2007), *Thần học Cơ đốc giáo*, Tập I & II, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
8. Jean Bauérot (Trần Sa dịch, 2006), *Lịch sử đạo Tin Lành*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
9. John H. Hayes (2008), *Nhập môn Kinh Thánh*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. Stephen L. Harris (1992), *Understanding the Bible*, Mayfield Publishing Company, London-Toronto.

Abstract

SOME BASIC CONTENTS OF THE PROTESTANT BIBLE

The Bible has been a collection of important works on cultural, historical, existential, and especially religious aspects for a long time. According to the religious perspective, the Bible has played an important role in the history of foundation and activities of Christianity, including Orthodox, Catholicism, and Protestantism. Understanding the Bible is essential for researching the faith, the practice of faith, and these religious communities. By a purely descriptive approach, the article focuses analyzing on some contents associated with evangelical theology in the Bible such as God, Human being, sin, salvation, and the Church.

Keywords: Bible, Protestantism, God, man, sin, salvation, and the Church.